ARC HOANG 1A

Hoang XUAN-HAN

BULAC

白雲庵
国音詩

phiên âm

H.x.Hãn

Hanoi
1945

Lời Dẫn

Bản chữ nôm sau đây là phỏng theo bản viết cũ ở Thư viện Bác cổ AB 309., tuy có chữa và đổi một vài chữ sai rõ ràng. Những chữ ấy có chú-thích dấu Đ (=đổi) hay C (=chữa) ở bên cạnh và nguyên thoại của nó. (Bản AB 309 sẽ gọi là bản A).

Thư viện Bác cổ còn có bản ~~tư~~ chép lại, số AB 15, nhưng đó chỉ là bản AB 309 sao lại mà thôi.

Tôi còn có một bản chép cũ nữa, mà tôi sẽ gọi là bản B. Nó gồm 100 bài như A, thứ-tự như A trừ hai số 91, 92 thì đảo lại.

Xét kỹ, tôi nhận thấy rằng hai bản cũ này khác nhau khá nhiều. Có chữ chắc chắn A sai, B đúng; có chữ chắc chắn A đúng, B sai. Mà có chữ, tuy A, B viết y nhau, nhưng có lẽ cả hai đều sai (vì nó đã sai từ lâu trước).

Nhưng cũng chắc chắn rằng A, B có hai gốc khác nhau, và gốc của B chắc chắn hơn, vì B có hai bài đầy đủ hơn A, là 73 và 91. Hai bài ấy A chỉ có sáu câu, mà B có đủ tám câu. Xét kỹ bài 73, thì thấy hai câu cuối ở A không dính nghĩa nhau, có thể đoán sót 2 câu ở giữa; B có hai câu ấy. Xem vậy thì chắc rằng A sót, chứ không phải B bù thêm. Vì lẽ ấy mà nhiều bài 6 câu có lẽ là bản cũ để mất 2 câu từ lâu, chứ không phải là lối thơ như vậy.

* Chữ nào B khác hẳn hay viết nôm khác (một cách quan hệ) thì viết vào bên phải trước quốc ngữ, bằng mực đen, hoặc mực đỏ (nếu ở B là nét chữa son), hoặc bằng nét chì tím (nếu ở B là nét chữa mực)
* Chữ nào B không có thì viết chữ b.
* Chữ nào B có hơn thì thêm dấu + ở trước.

NGUYỄN BỈNH KHIÊM
(1491-1585)

Người làng Trung-am, huyện Vĩnh-lại, nay thuộc tỉnh Kiến-an. Học giỏi, nhưng gặp loạn cuối đời Thịnh-Lê, không muốn đi thi. Sau khi Mạc cướp ngôi, ông lại càng do-dự. Năm 1534, ông 44 tuổi mới chịu thi hương, rồi năm sau, thi hội, thi đình. Ba lần đều đậu đầu. Và đình-thí được trúng Trạng-nguyên. Ấy vào năm Đại-chính thứ 6 (1535), đời Mạc Đăng-Doanh. Được bổ vào Đông-các, rồi dần thăng đến chức thị-lang bộ Lại. Khuyên vua Mạc trừ-khử tụi quyền-thần không được, lại có con rể là Phạm Giao, con Phạm Quỳnh cậy thế cha làm xằng, ông xin từ chức về làng. Ấy vào năm Quảng-hòa thứ 2 (1542) đời Mạc Phúc-~~Phúc~~-Hải. Ông làm quan ở Đông-các được 8 năm. Sau khi về, ông dựng một am tại làng, đặt tên là am Bạch-vân, tự lấy hiệu là Bạch-vân cư-sĩ. Ông lại dựng một quán ở bờ sông Tuyết-giang tại làng, đặt tên là quán Trung-tân. Rồi cùng một vài bạn họp bàn vui. Khi ở quán, khi dong thuyền du-lịch vùng Yên-tử, Chí-linh, Kính-chủ, Đồ-sơn. Gặp gì cũng ngâm-vịnh.

Ông lại nổi tiếng là giỏi khoa dịch-số, là khoa Thái-ất, biết trước vận trời. Cho nên vua Mạc, cũng như các chính-khách quan-trọng đương thời đều sai người đến hỏi ý-kiến và cầu lời khuyên-nhủ.

Ông ~~lại~~ dạy học trò nhiều. Lương Hữu-Khánh và Nguyễn Dữ sau nổi tiếng.

Tuy ở nhà, vua Mạc vẫn thăng chức cho ông đến Lại-bộ thượng-thư, và tước Trình-quốc-công. Ông ở làng được 44 năm, và mất năm Diên-thành thứ 8, 1585, đời Mạc Mậu-Hợp

Thơ chữ Hán ông làm rất nhiều, ông góp lại có nghìn bài thành Bạc-vân-am thi-tập. Nay còn chừng độ 500 bài.

Thơ nôm nay còn 100 bài, góp thành Bạch-vân quốc-ngữ-thi-tập. Thơ phần lớn là thất-ngôn bát-cú. Nhưng nhiều bài chỉ có 6 câu. Có một bài tứ-tuyệt. Mà các câu lại thường không đều. Trong một bài thường có nhiều câu sáu chữ. Thể ấy có thể gọi là "trường đoản cách".

Nội-dung các bài, thì quanh-quẩn có nhữ[ng] ý sau: cảnh ẩn-dật an-nhàn, thích yên-phận, ghét tranh-đua, khuyên ở lành, giữ tránh côn[g] danh, biết xuất-xử, mặc chê khen, than thế-tình bợ-đỡ để có quyền nhiều của, hiểu lẽ tuần-hoàn của tạo-hóa và kiêng sự dinh-m[ãn]. Mỗi bài là một vài ý trên đây chắp nối nhau cho nên ta chỉ có thể coi các thơ của Nguy[ễn] Bỉnh-Khiêm là một chuỗi châm-ngôn, chứ khôn[g] phải là những bài thơ có đề-mục.

Cũng vì vậy, mà chúng tôi đã chỉ lấy hai chữ cuối mỗi bài làm đề-mục, như vậy có thể phân-biệt các bài, ngoài sự nhờ số-mục, mà lại còn biết vần của bài. Sự biết làm cho dễ tìm các bài thơ ấy, nhờ mục lục vần.

Sau đây, chúng tôi lại làm bảng chỉ, dì[?] những chủ-ý trong bài.

白雲庵国語詩集

BẠCH VÂN THI

o-o-o-o-o

TRÌNH QUỐC CÔNG

Đậu Tiến-sĩ cập-đệ đệ nhất giáp
đệ nhất danh

KHOA ẤT MÙI (1535)

Niên-hiệu Đại-chính thứ sáu

(Dùng quốc-âm, có dùng cách TRUONG ĐOẢN)

莫號大正六年，乙未科進士及第，第一甲，一名，程国公撰白雲詩集共壹百首

(內用国音，有長短格)

Bản B: 白雲詩 閒興 一百首 (用国語，有長短格)

AB 309

一 吝矧覓戈腨戈㲺番春細㲺番䎸

愛憂烕〻腠卬若名利淩〻遹退花

案冉唉犀案典窮諾嫩伴具(貝)諾嫩茹

呂棋都志咱高笳。 些免清閑趣味 些

二 覇蝥篆庫来台運轉流通謌貼埃

湊怨譬欺乡堺吉耒算固課律凡殆

坤頑買別弁時降曳突带啗小固大(堂)

危缶色饒時夷儼道歪弄〻極孑差

L (Landei)

[stamp]

I.- NON NHÀ L 1.

Lẩn-thẩn ngày qua tháng qua,
Một phen xuân tới[1] một phen già.
Ái-ân vạc-vạc trang in nước,
Danh-lợi lâng-lâng gió thổi hoa.[2]
ÁN sách hãy còn án sách cũ,
Nước non bạn với nước non nhà.
.... Cuộc cờ đua chí dẫu cao thấp,
.... Ta miễn thanh-nhàn thú-vị ta.[3]

(1) L: đến
(2) L: hoa
(3) theo L

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

2.- HÈ SAI

Giàu chỉnh-chiện, khó lơi-thơi, 件 件
Vận-chuyển lưu-thông, há của ai.
Vũng nọ ghê khi làm bãi cát,
Dồi kia có thủa lút hòn đai. 欺
Khôn-ngoan mới biết thang thì giáng,
Dại-dột nào hay tiểu ~~với~~ có đài.
Đã khuất bao nhiêu thì lại ruổi,
Đạo trời lồng-lộng chẳng hề sai.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

朝跕餂詀紅墶。安乡時欣歌毎調。

渴哇莘、梅唏叽〻。焠棋、軒月遶嚚〻。

江山糝幅羅幀鬆。花鞊罰務意錦繞。

從且歆虧南、歆式。閂萬色傢德吞竟。

朝餅舐庫餅姜。安乡、羅仙路沛求。

歆哇菜椿唏叽〻。歆、棋軒月燍樓〻。

椅椿洒菊跕繩閄。煮焒爟笑、箴媅俟。

[stamp]

3.- TRỜI NGHIÊU L2

Giàu ba bữa, khó hai niêu,
Yên phận thì (1) hơn hết mọi điều.
Khát uống trà mai hơi ngọt-ngọt,[2]
Sốt[3] kề hiên nguyệt[4] gió hiu-hiu.
Giang-sơn tám bức là tranh vẽ,
Hoa cỏ tư mùa ấy gấm thêu.
Thong-thả, hôm khuya nằm, sớm thức,(4)
Muôn vàn đã đội đức trời Nghiêu. (4)

(1) L: là
(2) L: 岂岂
(3) L: nắng (4): của
韜
旨 (bản B không có)
(4) L chỉ có: 客典 歔

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

4.- MỤ HẦU L4

Giàu cơm thịt, khó cơm rau,
Yên phận là tiên,[1] lọ phải cầu.
Sớm uống chè thông[2] hơi ngọt-ngọt,[3]
Hôm[4] kề hiên nguyệt tổ[5] lầu-lầu.
Vun thông, tưới cúc ba thằng mọn,[6]
Chả[7] lửa, hâm trà một mụ hầu.
....Những chơi phồn-hoa, chân ngại bước
....Biết rằng đâu đã hẳn hơn đâu.[8]

餶 餶
1. L: hơn
春 ngút ngút
2. L 春 3 L 岂
4. L Tối 5 Rỗ (4)
初 6. L: bé
đỏ 7. L 𤈜 chả
8. Theo L

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

𣋚𨛦𠬠重𧁷埃認。余脆腰為几呂閉。
課𧁷囬嘲又拱朗。欺𣋚拯𠿯又時消。
消嫌蘭吊調么伴。哴矯鄰羅洝播綿。
道怒義尼𣠖嗜。聀退請〻吏銅錢。
榮辱𤯩番罕㐌曾。悉𠬠事世凌又。
嗜時輱午吱輱曳。秩𨔾座歐特座𢠩。
固埃別特悉知已。𡶀〻𡾵高月嵗暈。

5.- ĐỒNG TIỀN

Giàu sang người trọng, khó ai nhìn,
Mấy dạ yêu-vì kẻ lỡ nhèn.
Thủa khó, dầu chào, chào cũng lảng,
Khi giàu, chẳng hỏi, hỏi thì quen.
Quen, hiềm dan-díu điều làm bạn,
Lảng, kẻo lân-la nỗi bá-men.
Đạo nọ nghĩa nầy trăm tiếng,
Nghe thôi thinh-thỉnh lại đồng tiền.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

6.- MỘT VÙNG (1)

Vinh nhục ba phen hẵn đã từng,
Lòng người, sự thế lâng-lâng.
Khen thì nên ngỗ, chê nên dại,
Mất ắt chưng âu, được chẳng mừng.
Có ai biết được lòng tri-kỷ,
Vội-vọi non cao, nguyệt một vùng.
......安樂羗兮油迪
......太平迸𠫾𥗞𡏧

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(1) Thấy ở Ức-trai di-tập số 161.

(1) nét chưa son ở bản B

岧々春橕女仙。毷強跬諱強斫。

隊畨各橘為踈曳。每事羅陀黜䣉消。

𨉖演眸煩碁蔑茍。瞎清幺伴冉紅遑。

所尼出處兕羅沛。於邲䡴衛拱邲䡴。

儬埮青雲跳砉瑄。特訶此舍養身訶。

𡇒閭庵舘悉恒勉。隊准山河麵色消。

青永趣圭油色那。甚泠呬世黙吱嗜。

梅冥諸易秋䡴𢓊。春怒信花拱餘番。

7.- ẮT NÊN

Vòi-voi xuân-xanh nhỡ tiên,
Già càng khỏe, khó càng bền.
Đòi phen lẩn-thẩn vì thơ-dại,
Mọi sự la-đà bởi rượu quen.
Ngày diễn giải phiền cờ một cuộc,
Đêm thanh làm bạn sách hai bên.
Thửa nơi xuất xử đâu là phải?
Ở ắt nên, về cũng ắt nên.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

8.- MẤY PHEN

Thấy dạm thanh-vân bước ngại chen,
Được nhàn, ta xá dưỡng thân nhàn.
Ba gian am quán, lòng hằng mến,
Đòi chốn sơn hà, mặt đã quen.
Thanh-vắng thú quê dầu bao-ná,
Dữ lành miệng thế mặc chê khen.
Mai kia chưa dễ thu nên mọn,
Xuân nọ tin hoa cũng mấy phen.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

命於吞呵沛求隊時彭杜黙些油。
寘埃溢扎腠刀印。怒客泳東麵愈匀。
課益功名彭沛累。𫟶尼隐逸買鉞年。
所尼盈滿羅尼損矣唸朱台買矯嘔。
別道時公吞固私。所尼出處唸朱台。
甑寘山珥芾埃𧵑。宅王堂青和几咍。
於世饒影曳呂。𠃣睞余几坤𫨩。
仍々每事它外歇。徊幾𨉟羿仙幾𨉟。

9.- KẺO ÂU

L17

Mệnh ở trời, há phải cầu,
Đời thời, đi,[1] đỗ, mặc ta dầu.
Kìa ai ái bắc lưng đeo ấn,
Nọ khách[2] ngồi[3] đông, tay[4] dủ câu.
Thửa áng[5] công-danh, ~~đi~~ nhiều phải lụy,
Trong nơi ấn-dật mới[6] nên mầu.
Thửa[7] nơi dinh-mãn là nơi tổn,
Hãy ngẫm cho hay, mới kẻo[8] âu.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

10.- ~~MỘT NGÀY~~ CÓ TÙI

Tháng mắng đà qua, ngày đã rồi,
Hay yên thửa phận mới nên vui.
Bóng hoa lệ động am chu Phật,
Mang trúc còn tươi, bếp mới sôi.
Hội áng công-danh, nhiều thỏa chí,
Thú nhàn sơn-dã, mấy hay mùi.
Làm người chớ thấy tài mà cậy,
Có nhọn bao nhiêu lại có tùi.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

移批
1. L. 隱居甚取逸
2. L 乙 3. L 外 4. L 脛
5. L 隱課
6. L: 分
7 折
8. L. 塊 (mới sôi)
嗌

腨拳它戈晿甸来。咍安所分買鋮礫。

膵花戾、動庵諸佛。梲竹羣鮮炧買燸。

會盎功名鼇妥志。趣陽山野佘咍味。

以影、渚僨才麻悒。固鋭色饒吏固頹。

殃艰危甸佘當身裥福史特衛閉。

念袧忠愛誓産員。景窨田園趣甸洎。

㠯卷圖書收碾撮。幾船風月者翫苔杵。

歪共、別尼饍其、。禍福在容丐邊璮。

10.- MỘT NGÀY

Biết: đạo thì công, trời có tây,
Thửa nơi xuất xử, ngẫm cho đây.
Bầu Ki-sơn nhẹ, nào ai phụ,
Bút Ngọc-đường xinh, họa kẻ hay.
 Ở thế nhiều người dại lỡ,(1)
 Làm trai mấy kẻ khôn ngay.
Nhưng-nhưng mọi sự đà ngoài hết,
Nhàn một ngày là tiên một ngày.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

12.- TÓC CHEN

 Trải gian-nguy đã mấy phen,
Thân nhàn phúc lại được về nhàn.
Niềm xưa trung-ái thề chăng phụ,
Cảnh cũ điền-viên thú đã quen.
Ba quyển đồ-thư thu nặng túi,
Một thuyền phong nguyệt chở đầy then.
 Trời+ cũng biết nơi lành dữ,
Họa phúc chăng dung cái tóc chen.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(1) Dại lỡ: dại vừa vừa?

Dấu + là (B) thêm
nét chữ trên là B thêm hay chữa bằng mực khác

特輸傍色𠫾戭番。衣汜功名掛衽閉。
庵白雲末洞興。埮紅空永砣鐔。
𣅶迡合稫𠫾巽客。啻永咍惷月意畑。
渚又蜍拎認買別。赭時𤯨赭墨时顛。
学𠫾时添吏不才。䊷麻俺貿志昆耨。
君親誓歌惷蜍歲。出處求諸道特紝。
𢜠福𢲫掩停碍扔衛儒年矯𥘀扦掑。
安隊夛油自在。饍共𠱊吱拱默埃。

I3.- THÌ ĐEN

Được thua thấy đã ắt nhiều phen,
Để rẻ công-danh đổi lấy nhàn.
Am Bạch-vân, rồi nhàn-hứng,
Dặm hồng-trần, vắng ngại chen.
Ngày chầy họp mặt,hoa là khách,
Đêm vắng hay lòng, nguyệt ấy đèn.
Chớ chớ thờ-ơ, nhìn mới biết,
Đỏ thì son đỏ, mực thì đen.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

I4.- MẶC AI

Học ít, thì thêm lại bất-tài,
Già mà luống phụ chí con trai.
Quân thân thề hết lòng thờ một,
Xuất xử cầu chưa đạo được hai.
Mộng phúc vun-trồng đừng ngại nảy,
Cửa nho ngỏ, kẻo phải then gài.
Yên đòi phận, dầu tự-tại,
Lành dữ khen chê cũng mặc ai.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

盈乙丙僨覧盎勿兵。安分时善於咸命。

美嫁俺洎碎主𡞕。誓初女貿諾嫩橕。

末洞时忍仙無事。吟噫朱䠲景有情。

𠄩窮滿盈尼可咜。余影論特𡨸身名。

歲它外糝進饒。卒之祀平膝駁戈。

梅泊泠洎𪃿𦝄雪。菊鐄添樹余當它。

正朝固分異恩主。特乙躭黜勿吒。

庵館時洞末每從。油些自在默油些。

15.- THÂN DANH

Buồn làm biếng thấy áng đao-binh, A: 兵力
Yên phận thì lành ở một mình.
Nghĩa cả luống quên tôi chúa cũ,
Thề xưa nỡ phụ nước non xanh.
Rồi nhàn thì nhẫn tiên vô-sự, 意
Ngâm-ngợi cho nên cảnh hữu-tình.
Hai chữ mãn-dinh nầy khá gẫm,
Mấy người trọn được chữ thân danh.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

16.- DẦU TA

Tuổi đà ngoài tám mươi già,
Thoắt-thoắt xem bằng bóng ngựa qua.
Mai bạc lạnh quen nhiều tháng tuyết,
Cúc vàng thêm đổi mấy phen hoa.
Giàu có phận là ơn chúa,
Được làm người bởi đức cha.
Am quán ngày nhàn rồi mọi việc.
Dầu ta tự tại, mặc dầu ta.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

⿰糸老笆塊盎功名。自在节歐累無命。
阿特趣圭油色那。扚祒世事丙都争。
林湖船浽花梅泊。隘扎琴控暈月青。
埃嗨乡之愠女踈浪從事乡饍。
幾⿰票辰幾鉢凭山僧。世事外聰丙呐胠。
弍女俺台信⿺辶屚。潭清⿸厂章僨⿰氵朗⿰月麦。
⿰糸老埃⿰土鳥椿乡檜。祂⿰耳欠腰⿰夂亍朩艺。
⿱白叉固功名时固累。朱咍油固極朋至。

I7.- LÀM LÀNH

Già đã khỏi áng công-danh,
Tự-tại nào âu lụy đến mình.
Nhàn được thú quê dầu bao ná,
Nghĩ xem thế-sự biếng đua tranh.
Lâm-hồ thuyền nổi hoa mai bạc,
Ải bắc cầm xoang nguyệt vựng xinh.
Ai hỏi: làm chi vui nữa?
Thưa rằng: việc [một] sự làm lành.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

I8.- BẰNG CHẲNG

Một bầu, một bát, bẵng sơn-tang,
Thế-sự ngoài tai biếng nói-nang.
Hoa nở luống hay tin gió,
Đầm thanh còn thấy rạng [sáng] trang.
Già, ai ~~đeo~~ [tỉ] thông làm củi,
Trẻ, người yêu, trúc mọc măng.
Nếu có công-danh thì có lụy,
Cho hay dù có chẳng bằng chang.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

A: vừng nguyệt B: một

揕逮鎓月挭煙霞。帝貼帝至沛貼些。

𥈶蓋䏠祫䏎々竹。躬除遍跟信弋。

覧機，盈𣼽朱咍諸。沛道中常𦝄固戈。

靣𥙩聖經尼所學。誓慈，出處道𧋆吒。

息鋭色饒央固頽。胎機造化𠂎强𤏬。

為名朱，沛名少𡗉。特道时咍道固時，。

蓋功名𥙩礼乃。尼名教覧𥉫礫。

𦨛湖固客青船𠁑。除月𠸜清戲䏎梅。

I9.- THỜ CHA

Cày mây, cuốc nguyệt, gánh yên-hà,
Nào của nào, chẳng phải của ta.
Đêm ẩng trăng xem bóng trúc,
Ngày chờ gió thổi tin hoa
Thấy cơ dinh-mãn cho hay chớ,
~~Thay~~ Phải đạo trung-thường mã có qua.
Dẫu thấy thánh-kinh nơi thủa học,
Thề chưng xuất xử đạo thờ cha.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

20.- BÓNG MAI

Nếu nhọn bao nhiêu lại có tùi,
Dòm cơ tạo-hóa đã càng soi.
Vì danh cho phải danh lầm lụy,
Được đạo thì hay đạo có mùi.
Áng công-danh xem ~~lải-nhải~~ trễ nải,
Nơi danh-giáo thấy khen vui.
Năm hồ có khách thênh thuyền mọn,
Chờ nguyệt đêm thanh hé bóng mai.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

歲䊬買糝進紅〻。每貼仍〻𧡊包外。
安分些訶特趣。固用馭重𡗶才。
鴗呌花洞时耆澗。月泊香清與客踐。
恩主包饑渚報答。意羣更〻迻坤李。
檜路鑛梅路顛[1]。踐用它默貼自然。
爧芑竹登餕台舘。拉襖蔏蘇冷矯鐔。
伴固魰鮍油特趣。闌座車馭𦋦空權。
暍〻蕭洒訶無事。雖渚𦋤仙意乙仙。

(1) B khong

21.- KHÔN NÀI

Tuổi già mới tám mươi hai,
Mọi của nhưng-nhưng thấy đã ngoài.
Yên phận, ta nhàn được thú,
Có dùng, người trọng ~~lầm~~ vì tài.
Chim kêu hoa động, thời ~~chim~~ xuân muộn,
Nguyệt bạc đêm thanh, hứng khách dài.
Ơn chúa đã nhiều, chưa báo đáp;
Lòng còn canh-cánh ắt khôn nài.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

22.- ẮT TIÊN

Củi lọ vàng, mơ lọ tiền,
Dùng đà mạc, của tự-nhiên.
Sôi mang trúc đấng, sèm thay thịt,
Ráp áo ~~thê~~ sô to lạnh kẻo chiên.
Bạn có cá tôm dầu được thú,
Cửa không xe ngựa bởi không quyền.
Ngày ngày tiêu-sái nhàn vô-sự,
Tuy chửa là tiên, ấy ắt tiên.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

係祿朝官飽固垠。以之貧特尊班圉。
隘秦巖蜀塘嶢險。闌孔廊顏道庫巾。
冉𩠓趾鋪未吏讀。餌鎮紅館斛时咹。
功名丕坦思羣轠。雲諸遂調和鐍詔禎。
繞練曳性𠃅衛。選沛羣職說事𠁀。
嶢險羅欺爲渃。庫巾油命於丕。
永退塘利坤𧹻杜轠。狹𢚸仁默扔宜。
汜下留侯辞漢祿。船城尊隱赤松制。

安東 書齋

23.- CHIẾU CHĂN

Hễ lộc triều-quan đã có ngần,
Làm chi tham được, nhọc ban-khoan.
Ải Tần, non Thục, đường nghèo-hiểm,
Cửa Khổng, làng Nhan, đạo khó-khăn.
Sách cũ ba pho, rồi lại đọc,
Cơm vàng hai bữa, đói thì ăn.
Công-danh trời đất, ơn còn rộng,
Che-chở điều-hòa kẻo chiếu* chăn. 銀 ×b

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

24.- TÙNG CHƠI

Già, thơ-dại, tính lời-dơi, 來
Lạ phải còn nên* thốt sự đời. ×b
Nghèo-hiểm là khi vì nước,
Khó-khăn ~~dầu~~ bởi mệnh ở trời. 黜由
Vắng chầy đường lợi khôn đi đổ, 遲
Rộng hẹp lòng ~~người~~ nhân mặc nghỉ-ngơi. 仁
~~Phiếm~~ Dĩ-hạ Lưu-hầu từ Hán-lộc, 地
Góc thành náu-ẩn Xích-tùng chơi.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

為名朱沛累𠊛嵩。分諱巾迻色消扐
𠜭門槾影。腰㲀客重。庵花埃塢典翁例。
春橕坤吏。悲強感塘紫宅文趾砃壇。
愚𢧚陳々。罢性𡅯。默油埃拱乙𡎝顛。

迻𡎝魯買祿朝官吏特衛詞養歲殘。
渃雪熔菜。𣅶炒𥬧花。點冉連案。
娘𢜝𥋳惜味香律。㜻𡐙𦗏謳𦛌桂敬。
典准帝𨁪准意。油些自在固埃嘆。

25.- CHĂNG ĐEN

Vì danh cho phải lụy đòi phen, 彭
Phận khó-khăn xưa át đã quen.
Cửa mận người yêu nhiều khách trọng,
Amm hoa ai ủ đến ông nhèn. 晦
Xuân-xanh khôn lại, lòng càng cảm,
Đường tía đà qua, bước ngại chen.
Ngu-dại trần-trần là tính cũ,
Mặc dầu ai cũng át chang đen 乙 挟

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

26.- AI HAN

Ất đà từng phụ lộc triều-quan, 它 A: chẳng
Lại được về nhàn dưỡng tuổi tàn.
Nước tuyết hâm trà dưới bếp,
Bút hoa điểm sách trên an.
Nương song ngày tiếc mùi hương lọt,
Nổi chén đêm âu bóng quế tàn.
Đến chốn nào vui chốn ấy,
Dầu ta tự-tại, có ai han.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

𠸗𠁀主特福情期、𢠩𥗹渚曾報還綠、
六老箕、埃𢈱特趣。𦊚朋怒客、越𠃣𨀎。
𠻵清泳它来從。𡸇娘難買別機。
鐥丗、𢜝、𣦍坤別特。籠顛泊渚蜍廬。
𠤩機腰勳掛客。調腰色饒时勳闭饒。
㑏貧沛盎功名累。悶朱昆造化撩。
𨤰園洛社𠄼𠸗客。另准南陽於戧㟟。

27.- THỜ-LỠ

Ba đời chúa được phúc tình-cờ,
Ơn nặng chưa từng báo ~~báo~~ tóc tơ.
Lục lão kìa ai nhàn được thú, 九
Tứ bằng nọ khách dấy làm thơ.
 Vui thanh-vắng đà rồi việc,
 Trải gian-nan mới biết cơ.
Lành dữ lòng người khôn biết được, 特別
 Trống (Lồng?) đen bạc, chớ thờ-lơ. A không có

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

28.- MỘT LỀU

Một cơ yếu, nhọc, đổi lần đều, 吝, A: 吏
Yếu bao nhiêu thì nhọc bấy nhiêu.
 Tham, phải áng công-danh lụy,
 Muốn, cho con tạo-hóa trêu.
Vui-vầy Lạc-xã năm ba khách,
Lánh chốn Nam-dương ở một lều. b
....
....

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

馱其时些免固饍乡之都旦辱馱都爭

瀾王蝠囚為永。槤眷蛛意黜腥。

[illegible]客春欅塲富貴。尒馱頭泊會者英。

𠀧外每從座群約。約幾碎賢主聖明。

曾𠫾冉[illegible]幾堆句。免道誓座貢業儒。

窓北箕埃吟炩月。楼南怒客戰囲秋。

庫巾買別馱君子。磽險時咍節丈夫。

每事座羣黙繢。買台料膝沛怗。

29.- THÁNH-MINH L19

Người dữ thì ta miễn có lành,
Làm chi đo-đắn nhọc đua-tranh.
Của vương nhện,nhân vì vắng,
Thớt quyến ruồi,ấy bởi tanh.
Nhiều khách xuân-xanh trường phú-quí,
Mấy người đầu bạc hội kì-anh.
Đã ngoài mọi việc[1] chẳng còn ước, 1. L 事
Ước một[2] tôi hiền,chúa thánh-minh. 2. L 沒

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

30.- PHẢI LO L:33

Từng xem sách cũ một đôi[1] câu, pho 1 L 祖(袓) 鋪
Mến đạo, thề[2] chẳng[2] phụ[2] nghiệp nho. 2. L 浪誓学
Song bắc kìa ai ngâm phiếm nguyệt,
Lầu nam nọ khách[3] chén vầy thu. L 3 況
Khó-khăn mới biết người[4] quân-tử, 4 L
Nghèo-hiểm thì hay tiết[5] trượng-phu. 5 L 志
Mọi sự chẳng còn mắc-mưới,[6] 6 L 国貿
Mới hay liệu[7] bụng[7] phải[7] lo[7]. bung A: 料; B: 膀料

7. L 捧料沛当忄 (thein).

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

諾嫩吊沛貼埃覺彭丕公私拱默詛
庫座、拱、揚空座、累。特座暴幅秩座謳。
英雄影、秘才以重。隐逸些哈趣固年。
嘞意、埃、扶、鑊浚。桐江撿幾、勤句。
遯色辣鬃色宥。從茹色付默妯晜。
盘碁爲醽園花竹。𢱢擸芹句准諾嫩。
閱特趣𨢟台色那。館彭塰滶渚鮮嘻。
欽進時計春宮詞。妻意、戈时妻恪犀。

31.- CẦN CÂU L.20

Nước non nào phải của ai đâu,
Nhiều ít công tư cũng mặc dầu.
Khó[1] chẳng dở-dang,[2] không chẳng lụy,
Được chang[3] bạo-bức,[3] mất chang âu.
Anh-hùng, người lấy tài làm trọng,
Ẩn-dật ta hay thú có[4] mầu.
[5] Gẫm ấy ai phù vạc Hán,
Đồng-giang rủ một cần câu.

1. L 固 2 L: 哇咣
逼 3. L 空郎 𠯪
4. L: 味
5. L (thêm) 埃
斤 (芹)

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

32.- KHÁC CÒN

Tóc đã thưa, rang đã mòn,
Việc nhà đã phó mặc dâu con.
Bàn cờ, cuộc rượu, ~~vầy~~ vườn hoa trúc,
~~B~~Bó củi, cần câu, chốn nước non.
Nhàn được thú vui hay bao-ná,
Bữa nhiều muối bể chả(1) tươi ngon.
Chín mươi thì kể xuân đà ~~thám~~ muộn,
Xuân ấy qua thì xuân khác còn.

園
時

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(1) nhiều, nhù chanchửa

三

清閑意迯罡仙客特趣些它固趣些
[礻迯]在埃禁默埃用。係貼自然意貼終。
𡽫渃固味恚容渚。竹梅乡伴與練濃。

四

淮田圍[要甾]油從且。道圣賢初俺祝蒙。
双曰渚浪奄虎。典唲时共固春風。
賭易埃羅𡨸釋迦。每念人我忍时戈。
恚無事[月夌]印渃。貼倘來[辶居]退花。
𦓅客春橕欺[礻迯]。余影頭泊歲耗。

續見上

33.- XUÂN-PHONG

Lấy chẳng ai cấm, mặc ai dùng,
Hễ của tự-nhiên ấy của chung.
Non nước có mùi, lòng khách chứa,[1]
Trúc mai làm bạn, hứng thơ nồng. 詩
Chốn điền-viên cũ dầu thong-thả,
Đạo thánh-hiền xưa luống chốc-mòng.
Song viết chớ rằng đã hổ, 同 (A:B)
Đến đâu thì cũng có xuân-phong. 拱

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

34.- THÚ TA

Chửa dễ ai là bụt Thích-ca,
Mọi niềm nhân ngã nhận thì qua.
Lòng vô-sự, trăng in nước,
Của thảng-lai, gió thổi hoa.
Ghê khách xuân-xanh khi trẻ,
Mấy người đầu bạc tuổi già.
Thanh-nhàn ấy át là tiên-khách,
Được thú ta đà có thú ta.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(1) Chứa: nhiều (chan chứa)

𠊛覔危盈滿㡳朱咍祜特機弁買別咍。

景固諾嫩徇特趣。興爲鍊醽渚戈𨉟。

共𩚵鷗鷺曾消栖。塊盞功名吏扱𢘾。

𠀧𣇞進節悉吝特。仍𠫾渚固事珠眉。

鞊花春典拱潭歆。秋個埃咍竹固貧。

餕女貿美蝃埭。吟色渭塔塢𡎠。

貼𠁑犀底𢧚鋪典。恩主座消𧼋餡餌。

固課達楼坐待月。𡗋命吐吏𡗋命堪。

35.- CHAU MÀY

Thấy nơi d~~xx~~inh-mãn lệ cho thay,
Xem được cơ-mầu mới biết thay.
Cảnh có nước non nhàn được thú,
Hững vì thơ rượu chớ qua ngày.
Cùng bầy âu-lộ từng quen mặt,
Khỏi áng công-danh lại cặp tay.
Ba bảy mươi nào lòng lẫn được,
Làm người chớ có sợ chau mày.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

36.- MÌNH CHÂM

Cỏ hoa, xuân ~~xá~~ đến cũng đầm-hâm,
Thu muộn ai hay trúc có thơm.
Sèm nỡ phụ canh cua ruốc,
Lạnh đà quen đắp ổ rơm.
Của ta còn để hai pho sách,
Ơn chúa chăng quên một bữa cơm.
Có thủa lên lầu ngồi đợi nguyệt,
Một mình uống, lại một mình châm.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

極絨衣毯極絨用。杳糾躬過掩辱功。

君子買咍尼出處。丈夫扰固志英雄。

人才々重芪芾塊。天下至私意賍終。

景、蟡援羣巖渃蟡。准芾羅極准害風。

性辣曳、蟡喉群刁。𩑈特洞時矯固䥇。

淩月船棋、飠二堺模。庵逐闌拗歲、芹標。

𨋍鮑歇、草邊宜淩。檜𪄄喝謨買怒岩。

客典嗨芾雙曰女。浪羣歲繖辣、撩、。

37.- XUÂN-PHONG

Chẳng nên để, ất chẳng nên dùng,
Lẩn-thẩn ngày qua luống nhọc công.
Quân-tử mới hay nơi xuất xử,
Trượng-phu cũng có chí anh-hùng.
Nhân-tài làm trọng đời nào khỏi,
Thiên-hạ chung riêng ấy của chung.
Cảnh cũ vẹn còn non nước cũ,
Chốn nào là chẳng chốn xuân-phong.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

38.- THƠ TREO

Tính thơ-dại cũ hãy còn đeo,
Nếu được nhàn thì kẻo có nghèo.
Bến nguyệt thuyền kề hai bãi mía,
Am mây cửa khép một cần tiêu.
Cá-tôm hôm chác bên kia bến,
Củi-đuốc ngày mua mé nọ đèo.
Khách đến hỏi nào song-viết nữa,
Rằng: còn một túi thơ treo.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

其膳𠰘世默吱喑。歲乍䎄时每事慣。
禄硍可捎𢚸主硍。撰鋮仍戾課功鋮。
作朝官𩠐咍恚𠃅。伴士圭初合䩄消。
榮辱幾機恆拉樹。𠃩羅曾債覓幾缸畨。
係貼自然固𠃅鬖。幾庫造化拱支調。
香首席容花欺用。興巴園春鳴課呌。
安𩠐拱拈巴卷典。寬練宜拐幾昆參。
嫩樺渃碧初羅恨。啼拐隊欺渚闭饒。

39.- HAI PHEN

Dữ lành miệng thế mặc chê khen,
Tuổi đã già thì mọi sự hèn.
Lộc nặng, khá quên ơn chúa ~~nặng~~ cũ,
Máy ~~nên~~ mấu, nhưng lệ thủa công nên.
Tác triều-quan cũ hay lòng trẻ,
Bạn sĩ-khuê xưa họp mặt quen.
Vinh nhục một cơ hằng ~~rập đổi~~ bá đổi,
Ắt là từng thấy một hai phen.

賢 呵 年 鮨 乙

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

40.- BẤY NHIÊU

Hễ của tự-nhiên có ít nhiều,
Một kho tạo-hóa cũng chia đều.
Hương (Thừa) đầy tiệc khách hoa khi rụng,
Hứng dẫy ~~vầy~~ vườn xuân chim thủa kêu.
Án cũ ~~cũng~~ còn xem ba quyển sách,
Song thưa nghỉ-nghỉ một con lều.
Non xanh nước biếc xưa là hẹn,
Gẫm, nghĩ đòi khi chửa bấy nhiêu.

承(象→香)? 園 群

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(1) Chắc A làm chữ mẫu 牟 ở chữ nên 年 ở câu dưới, nên đã chữa chữ cũ ra chữ nặng, để lặp chữ nặng trên, và đối câu với chữ nên lặp chữ nên (lăm) kia.

式䞚𥎵羣曲渚捱。容芾𨃴嗨事抛嵩。

烂䒗燩㐌燸芭竹。娘乾粿催娓紇崖。

闌永馭車空橋妙。餠餑鮒鮑矯饒嗜。

山僧昭客吹影閉。初月鯨之㐌掾鍾。

罵吱影㱳悒些䟦。油釰油欣埃默埃。

味怒固裴空固吼。式㝵泥迈鐇吏泥派。

油咍礼買安隊礼。哂固才欣渚悒才。

君字吟咍尼出處。迷羅坤奇敬和台二。

41.- GIỐNG CHUÔNG

Thức dậy tay còn sách chửa buông,
Khách nào thăm hỏi, sự phao-tuông.
Bếp trà hâm đã sôi mang trúc,
Nương cỏ cày thôi vãi hột bông.
Cửa vắng ngựa xe không quít-ríu,
Cơm no tôm cá kẻo sèm-suồng.
Sơn-tăng giễu khách xui người bấy,
Sơ-nguyệt kềnh-kềnh đã giống chuông.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

42.- HÒA HAI

Mã chê người vắn, cậy ta dài,
Dầu kém, dầu hơn, ai mặc ai.
Mùi nọ có bùi không có ngọt,
Thức kia chầy thắm lại chầy phai.
Dầu hay phận mới, yên đời phận,
Dẫu có tài hơn, chớ cậy tài.
Quân-tử ngẫm hay nơi xuất-xử,
At là khôn hết cả hòa hai.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

仍く每事閤边外。油特油輸埃默埃。

味世间鼗漫喇。塘名利固蔡羕。

余𠸍富貴名安分。係凡英雄仍恡才。

油覽後生時易悽。鼗冥極朮之欣聽。

是非極嘗默吱嚕。愚曳陳之性㐌消。

景鼗田園尋唯鼗。客詞山野養身詞。

茹椿塘竹悉恒勉。喇槾墻桃跳碍𨯔。

世事借琛台拉樹。曾祐輸。特幾給当

43.- HƠN TAI L 21

Nhưng-nhưng mọi sự gác bên ngoài,
Dầu được, dầu thua, ai mặc ai. 1 L 咹
Mùi thế-gian nhiều mặn-~~lạt~~, chát 2 chát 淛 測 2. L 滝
Đường danh-lợi có chông-gai.
Mấy ~~khi~~ người phú-quí hay yên phận, 3 3. L 罢
Hễ kẻ anh-hùng những cậy tài.
Dầu thấy hậu-sinh thì dễ sợ, 4 4. L. 渚易
Sừng kia chẳng 5 mọc, mọc hơn tai. 5. L 渚

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

44.- HAI PHEN L. 22

Thị phi chẳng 1 quản mặc chê khen, 1 L. 拄 (vua 極, 底)
Ngu 2 dại trần-trần tính đã quen. 2. L 痵
Cảnh cũ điền-viên tìm chốn cũ, A: 園 (園)
Khách nhàn sơn-dã dưỡng thân nhàn.
Nhà thông 3, đường trúc, lòng hằng mến, 春 3. L 梅
Cửa mận, tường đào, bước ngại chen.
Thế-sự tuần-hoàn hay ~~(rấp)~~ lấp 4 đổi, 4. L 嗒事罗 L
Từng xem thua được một hai phen. A: 偷

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

衛妻葉遙遂琴。味細咍課膝淹。
𣘃丕鑣羣印膝冤。頭嵈嫩泊拖㩌樓嶋。
有情羅景它共限。無事時心路沛尋。
伴𨫊者英妻合𣘃。意惘沛沛平𢜝。
固權時固貼影朱。秩本之𠰘和旦都。
堌䏦漫裴蛛典杜。鉢蒲凡螢蜆蜆蹎。
影羕僕下鍼君子。些丞村真拱丈夫。

𠲖世間情浪淡薄。埃曾渃呂掛鍼糊。

45.- BẰNG LẮM

Của xuân đẹp (rợp:), gió đưa cầm,
[Mùi tới hay thủa bóng im.
Mặt trời vàng còn in bóng thỏ,
Đầu non bạc đã tất cây chim.
Hữu-tình là cảnh đà cùng hẹn,
Vô-sự thì tiên lọ phải tìm. 吴
Bạn cũ kì-anh xuân họp mặt, 森
Lòng mừng phới-phới nhẹ bằng lâm. 林

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

46.- TRƯỢNG-PHU L.6

Có quyền thì[1] có của người cho, 1 L (không có)
Mất vốn chi ru,[2] hòa[2] đấn-đo! 油 2 L mà phải
Gang[3] thịt mạn[4] bùi, ruồi đến đỗ, 坱 3. L 坫 4 L 膈
Bát bồ-hòn đắng, kiến đâu[5] bò. 5. L 弟
Người nhiều hầu-hạ nên quân-tử,[6] 6. L: 清貴
Ta ít chon-chân[7] cũng trượng-phu. 7 L: 几 [illegible] (極) 噯 蹎
....Ghét thế-gian tình rằng đạm-bạc
....Ai từng nước lã quấy nên hồ.[8] (8) L

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

譁時默譁固李色。強譁色強志英豪。

大地塔南岳跬。九霄雷北辰高。

祕欺潭瀛蒲欺冷。潴諜枯嗜固諜霧。

其、裊蘇泰害諜轄。諸扨相印固埃、嘲。

路羅城市路林泉。特趣時欣勉分洵。

俸不才鋮劒伴。繞無事意四六仙。

圖書幾卷茹少貼。風月南五湖客淺船。

忍吱嗜油四世。機年造化默自然。

47.- AI CHÀO (1) L.32

66

Khó thì mặc khó, có nài bao.
Càng khó bao, càng chí anh-hào.
Đại-địa thấp, Nam-nhạc khỏe,
Cửu-tiêu thẳm, Bắc-thần cao.
Lấy khi đầm-ấm bồ khi lạnh,
Chưa thủa khô-khan có thủa dào.
Kìa ~~khuở~~ nẻo Tô Tần xuân (xoan) thủa trước,
Chưa đeo tướng-ấn có ai chào.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

48.- TỰ-NHIÊN (2)

163

Lọ là thành-thị, lọ lâm-tuyền,
Được thú thì hơn, ~~miễn~~ (miễn) phận nhàn.
Vụng bất-tài nên kém bạn,
Già vô-sự ấy là tiên.
Đồ-thư một quyển, nhà làm của,
Phong-nguyệt năm hồ, khách nổi thuyền.
Dù-nhẫn chê khen, dầu miệng thế,
Cơ-mầu tạo-hóa, mặc tự-nhiên.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(1) có ở "Ức-trai di-tập" số 66
(2) " 163

Khó khăn thì mặc có mang bao
càng khó bao nhiêu chí mới hào
Đại địa đầy, Nam-nhạc khỏe
Cửu-tiêu vắng Bắc-thần cao
bồ → pha xuân thủa → ngày

亘朝昃合離昃散。退意恒例事世間

本性極消皮淡泊。固身時諸千萬

至貼茹消干渃。昃矣浪些離体官。

哆哨哄鐥色塔。黙埃咗兔黙埃弾。

倘拳洵制冉兔安。認紿景物恪凡間。

拂披邊揀莽竹。咱説漝律剤蘭。

𨡅祝金盃味買醒。香燒石斯塊諸残。

句清閑讀戈時膅。惻剤节朱俗客嘆。

[seal]

49.- AI ĐÀN

Giàu người họp, khó người tan,
Thói ấy hằng lề sự thế-gian.
Vốn tính chẳng quen bề đạm-bạc,
Có thân thì đấp chớ thiên vàn.
Nhà chang có của tiêu cơn nước,
Người hãy rằng ta khó thể quan.
Mảng tiếng dữ lành tai quản đấp, 嗃 (嗃)
Mạc ai chê miễn mạc ai đàn. 勉

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

50.- KHÁCH HAN

Lộ-mảng nhàn chơi sách miễn an, A: 倘 , 鹵
Nhìn xem cảnh-vật khác phàm-gian.
Phất-phơ gió lay cần trúc, 梗
Thánh-thót mưa lút cửa lan. 律
Rượu chuốc kim-bôi, mùi mới tỉnh,
Hương thiêu thạch-đỉnh, khói chưa tàn.
Câu thanh-gui (nhàn) đọc qua ngày tháng, 貴 A: 閑
Khép cửa,nào cho tục-khách han. 哄 (嘆)

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

口錦拷山林免帝朝。帝兜罢座坦唐尭

躭貧富貴躭恒重些特清詞坒舍腰。

双曰奚羣魟撑播。室家極歇飯根蔡。

免羅洋、洒戈躲腊。禄固色饒唆訥饒。

以躭壇觸勳都啼。極恪人生於啜制。

梭日月邊探捽。瓮鰵、去呵灕淝。

花強譸妥去鍼焆。諾者翦朱苔諾函潙。

買別盈虛它固數。埃會移特道丕。

51.- BẤY NHIÊU (1)

Gẫm nghĩ sơn-lâm mến thị-triều,
Nào đâu là chẳng đất Đường Nghiêu.
Người tham phú-quí, người hằng trọng,
TA được thanh-nhàn ta xá yêu.
Song-viết hãy còn hai đóa quất,
Thất-gia chẳng hết một căn lều.
Miễn là tiêu-sái qua ngày tháng.
Lộc có bao nhiêu, ăn bấy nhiêu.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

52.- ĐẠO TRỜI (3)

Làm người chen-xúc nhọc đua hơi,
Chẳng khác nhân sinh ở gưởi chơi.
Thoa nhật nguyệt đưa thấm-thoát,
Áng phiền-hoa khá lạt phai.
Hoa càng khoe nở hoa nên rữa,
Nước chứ cho đầy nước ắt vơi.
Mới biết dinh hư đà có số,
AI từng dời được đạo trời.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(1) Có ở Ức-trai di-tập số 24
(3) — số 85

少影辰特性自然。曳突認𥙩固分安。
𧦕智𧦕才油奴午吱愚吱曳免些賢。
腰當轄聰羣嗪。坤窖昤呬渚傳。
油𠍦埃嘆时勤古。𡨸浪無事小神仙。
渃吹渃𢈱湲隊潮。船客制秋格沛格。
𥵗托滕揚課興。船固遶默干漂。
丕〻頭泊𦀊釣鮓。了〻涌撐昆䋦貓。
鷗鷺共些如固意。冉觥时共貼趍蹺。

53.- THẦN TIÊN

Làm người thỉn được tính tử-nhiên,
Dại-dột, nhìn xem có phận yên.
Khoe trí, khoe tài, dầu nó ngỏ,
Chê ngu, chê dại, miễn ta hiền. 勉
Yêu-đương trước, tai còn mảng,
Khôn-khéo nay, miệng chửa truyền.
Dù thấy ai han thì lắc cổ,
Chữ rằng vô-sự tiểu-thần-tiên.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

54.- ĐI THEO (1)

101

Nước xuôi, nước ngược, nổi đòi triều,
Thuyền khách chơi thu gác bơi mái chèo. 買 各例
Mai thác trang, dương thủa hứng, 篠 賤 (A:賤)
Thuyền có gió, mạc con phiêu. 帆 欺
Phơ-phơ đầu bạc ông câu cá, 泊
Lẻo-lẻo dòng xanh, con mắt mèo. 濫
Âu-lộ cùng ta như có ý, 羨 鷺
Đến Sách đâu thì cũng cố của đi theo. 典 體奴

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(1) có ở Vè trai dời tập

㗎自然、𦾟幾根。欖空汰汰、𣸵紅塵。

斜行柑攞猑隊𩟔。余𥑮漁、樵、部伴親。

俔月領时計腩。認弋姿買咍妻。

清閑咹咗安隊分世事芇咍課晋秦

係凡以官色固緣。細腿點貼分自然。

身初香炤坐羣約。志𩟔功名色並願。

祕麻歷郎意謳哭、擂。耗特閉論意心。時上

朱衛朱矜油恩主。碍跳顛壇蓋爭權。

55.- HAY XUÂN L.24 = Bạc trai số 102

Chòm tự-nhiên, lều một căn.
Quất không thay-thảy bụi hồng-trần. 抶
Nghìn hàng cam quít, con đòi cũ, 昆
Mấy đứa ngư[1] tiều, bầu-bạn thân. 1. L 𠊛
Thấy nguyệt tròn thì kể tháng,
Nhìn[2] hoa nở mới hay xuân. 2. L 祜
.... Thanh nhàn ăn uống yên đời phận,
.... Thế sự nào hay thửa tấn-tần.[3] 3. theo L

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

56.- CỦA QUYỀN (2) L 12

Hễ kẻ làm quan đã[1] có duyên, 1. L: 㐌
Tới lui mặc của[2] phận từ-nhiên. 2 油默
Thân xưa hương-lửa[3] chẳng còn ước, 3 L: 火
Chí cũ công-danh đã phỉ-nguyền.
Trẻ mà sang ấy, âu[4] là[4] phúc, 4. L (cũ có)
Già được nhàn[4] thì lặn[4] ấy[5] tiên. 5. L 𠱋
Cho về, cho ở dầu[6] ơn chúa, 6. L: 調
Ngại bước chân chen áng của quyền.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(2) Có ở Bạc trai thi tập số 53

𥪝時𠱊坎坦昆蜂。柴𠀧些共矯𫢋蒙。
時固求𠬠鋮易栖。名雖浪𬉇免安恚。
秋掩闌竹紅雲㩧。妻淨塘花紫錦手。
僕𥙩貼之麻𨁪容。泑撞蓐蓐貫銅叉。
湊窖帝埃極固藝。𬉇巾沛果典妻兒。
特時親戚𤀞真典。失𢟚御詞𥱬𥹰。
揵固醒蟡蜍杜典。掴空𥶄𩿠蜆補之。
世𢖀仍重𠬠饒貼。浪典栖空埃几爲。

[stamp]

57.- ĐÒNG-ĐÒNG (1)

Ruộng thì hai khóm, đất con ong,
Thầy tớ ta cùng, kẻo mượn-mong.
Thời có cầu người nên dễ mặt,
Danh tuy ~~là~~ răng khó, miễn an lòng.
Thu êm, cửa trúc, hồng-vân phủ,
Xuân tạnh, đường hoa, tủ-cẩm phong.
Hầu lấy của chi mà thết khách,
AO chàng phu-phu mới đòng-đòng.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

58.- KẺ VÌ

Vụng khéo nào ai chẳng có nghề,
Khó-khan phải lụy đến thê-nhi.
~~Được~~ Đắc thời thân-thích chen chân đến,
Thất thế, hương-lu thỉnh mặt đi.
Thớt có tanh-tao ruồi ~~mới đậu~~ đậu đến,
Gang không mật-mỡ kiến bò chi.
Thế nay những trọng người nhiều của,
Lạng đến tay không ai kẻ vì.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

Có ở Việt-nam thi tập 56

五九 丕本悉私極拙兜。吊埃羅極隊達頭。
篭閳洞雲烱陽。㶏悉冊日月偷。
鴗僥巖高鴗典杜。櫼咍秋典櫼強收。
外南五進歲身自在。乙色論明渃幾瓢。
六十 輕易以之韓闭羅。𢀭善舍黜幾命些。
覺身油色咍修福。剃髮朱鋮沛出家。
油涸益猩添益招。渚渹蜍主勉蜍吒。
以之了到和朱辱。求釋迦吊底學如。

[stamp]

59.- MỘT BẦU (1)

Trời vốn lòng tây chẳng xót đâu,
Nào ai là chẳng đội trên đầu.
Lồng cửa động, vân-yên cách,
Dãi lòng đan, nhật nguyệt thâu.
Chim thấy non cao chim đến đỗ,
Quạt hay thu đến quạt càng thâu.
Ngoài năm mươi tuổi, thân từ-tại,
Ắt đã tron mừng nước một bầu.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

60.- BỤT NHÀ

Khinh-để làm chi khó bấy là!
Dữ lành xá bởi một mình ta.
Giác-thân dầu đã hay tu-phúc,
Thế-phát cho nên phải xuất-gia.
Dầu muốn ích con, thêm ích cháu,
Chớ quên thờ chúa, miễn thờ cha.
Làm cho lảo-đảo hòa cho nhọc,
Cầu Thích-ca nào, để bụt nhà.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(1) Có ở Ức-trai thi-tập số 40

鐄泊茀𦬑本固𠬠。冷台餌餂特飲咹。

冷課冬恒洳炶。燶務夏𤍇塔禛。

恩𡗶羣固闭鐃女。𡢻遣庄停几韡巾。

慈𠁑禍福𨑮𨉟咍。衰盛恒例拉樹。台。

𠦳信鍼功时哿插。塞翁失馬可珠眉。

蜆托黗坰裴叽。𧊉戈為鉢登蕢。

本𡗶𠬠色固性。真时咍跳𧸝咍聰。

[stamp]

61.- KHÓ KHĂN = Vè trai số 38

Vàng bạc nào nhà vốn có phần, 国 其
Lành thay cơm bữa được no ăn. 台
Lạnh thủa đông hằng nhờ bếp ~~núng~~
Nóng mùa hè kẻo đắp chăn. 炳 奉
Ơn trời còn có bấy nhiêu nữa,
Che-chở chăng đành kẻ khó-khăn. 支 歲
....
....

62.- HAY BAY

Chưng trong họa-phúc ít người hay,
Suy thịnh hằng lề lấp-đổi thay.
Hàn-tín nên công thì cả mạt, 功 鋮
Tái-ông thất mã há chau mày.
Kiến thác bởi gang bùi ngọt, 困
Ruồi qua vì bát đắng cay.
Vốn trời phần đã có tính,
Chân thì hay bước, cánh hay bay.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

𣇜朝𣇞卽𠊛典宪拾。貧賤埃几重腰。
貼塊⿰倉卩茹鍼貴價。𠊛離圭福𥙩標。
餒昆買别悉吒媄。⿱白褱亂时傷⿱世花⿰舛并竟。
及語欺节油數命。𠃣之都旦損功料。
几韡洳晃固几𣇜朝。𠃣之都旦秩悉饒。
𠊛欣𡗅舌时油丕。帝⿰倫正低䢖極坦𡶀。
戱怒渚牢謳𠃅旦坤。时說轀吏㤇轉。
世间係事𨮶共拱。油𠊚覔埃嘆哭勤頭。

63.- CÔNG LIỀU

Giàu-sang người đến đam chiêu,
Bần-tiện ai kẻ trọng yêu.
Của khỏi làng nhà nên quí giá,
Người lìa quê-phúc lấy làm phiêu.
Nuôi con mới biết lòng cha mẹ,
Nẻo loạn thì thương đời Thuấn Nghiêu.
Gặp-gỡ khi nào dầu số-mệnh,
Làm chi đo-đắn tổn công liều.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

64.- LẮC ĐẦU

Kẻ khó nhờ ơn có kẻ giàu,
Làm chi đo-đắn mất lòng nhau.
Người hơn, ta thiệt, thì dầu vậy,
Đấy thẳng, đây ____ chẳng ____ đâu.
Dại nọ chưa sao âu đã đến,
Khôn thì thốt trước lại lo sau.
Thế-gian hễ sự lành cùng dữ,
Dầu thấy ai han, hãy lắc đầu.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

乡躭咍幾和咍仁。諸悒狼欣諸悒才。
直節朱、斫朋鏢硋。彭塘吟別准蕯荖。
扵世哥腰羅貼哥。堆孤埃易劒之埃。
咓躭似密味強叽。道聖朋綠緬美賤。
油智油愚生沛时。意羅哥福等男兒。
皺悪蔭腊莧竟舞。禬博䣊霜課晉脣。
客於園桃高佘丈。躭刁態恪劉強皮。

㝅 浪 守 分 愁 無 八 𩑈 固 乡 之 極 拱 之

65.- HÃY DÀI

Làm người hay một, họa hay hai,
Chớ cậy rằng hơn, chớ cậy tài.
Chực tiết cho bền bằng sắt đá,
Đi đường ngẫm biết chốn chông gai.
Ở thế cả yêu là của cả, (1)
Đôi-co ai dễ kém chi ai.
Miệng người tựa mật, mùi càng ngọt,
Đạo tháng bằng tơ, mối hãy dài.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

66.- NHIỀU BÈ

Dù trí, dù ngu, sinh phải thì,
Ấy là phúc cả đứng nam-nhi.
No lòng, ấm cật, đời Nghiêu Thuấn,
Gối bác, nằm sương, thủa Tấn Tùy.
Khách ở vườn đào, cao mấy trượng,
Người đeo thói tục thấp nhiều bè.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

Chữ rằng thủ phận sâu vô nhập
Giàu có làm chi, cũng (?) cực chi.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

1) Có lẽ A chưa để có hai chữ cả, để đối với hai chữ ai

余几英雄語匜頑。色饒塘險兔衡乾。
亭咍鐄覩朱、影木。易別錢𧨛卓𪐝于。
嵡叽蛛、色蛛、淰對。媒、貧鄭典鄭樊難。
淩家三傑、𥪝巳意。埃、極咍善埃、害羿。
免固身𡾵路約泑。倍之吱劉倍𨓡高。
得君子怒腰名節。鴗鳳凰宜惜羽毛。
吟唉、南五、鋪經史。習情巳卷畧韜。
蝻眞、停飭徐、妻煖。跂蹺番、蠲覔霜溪。

67.- KHÉO TOAN

Mấy kẻ anh-hùng ngỡ đã ngoan,
một
Bao nhiêu đường hiểm cố xông càn.
Đành hay vàng đỏ cho người mộc,
búa
Dễ biết tiền dầy chác vải can.
Mật ngọt ruồi vào, ruồi đám-đuối,
Mồi thơm cá đến, cá phàn-nàn.
Hán-gia tam-kiệt trong ba ấy,
AI chẳng hay toan, ai khéo toan.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

68.- THẤY DÀO

Miễn có thân giàu, lọ ước-ao,
Vội chi chê thấp, vội trông cao.
Người Quân-tử nọ yêu danh-tiết,
Chim phượng-hoàng kia tiếc vũ-mao.
Ngẫm-nghĩ năm pho kinh-sử,
Tập-tành ba quyển lược-thao.
Rồng thiêng dành sức chờ xuân noãn,
Nhảy-nhót phen chi ếch thấy dào.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

衪欺酉劉欺寒。運轉它奴事世間。

裊極小人君子餠。係空君子小人亂。

長饑僕下鋮清貴。些迯村真倚賤詢。

守道孝忠羅賄哿。免過得腡分些安。

賱儋時壙墨時顛。燗別洳恩課𦚾畑。

咹吐免蹺厄法則。細燸朱別裡經權。

極鋮黙世長饍些。蹈呂鈾（油）埃儺泊顛。

於世固坤时固譁字浪無事小神仙。

69.- TA YÊN L.25

Lấy khi dấu, chấp khi hàn,
Vần chuyển đà no sự thế-gian.
Nếu chẳng tiểu-nhân, quân-tử đói,
Hễ không quân-tử, tiểu-nhân loàn.
Người nhiều hầu-hạ nên thanh-quí,
Ta ít thon-chân ý tiện-nhàn.
Giữ đạo hiếu-trung là của cả,
Miễn qua ngày tháng phận ta yên.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

70.- THẦN TIÊN

Gần son thì đỏ, mực thì đen,
Rạng biết nhờ ơn thủa bóng đèn.
Ăn uống miễn theo nơi phép-tắc,
Tới lui cho biết lẽ kinh-quyền.
Chẳng nên mạc thế người lành-dữ,
Tráo-trở khôn ai thói bạc đen.
Ở thế có khôn thì có khó,
Chữ rằng vô-sự tiểu thần-tiên.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

鬖畨説隆厶之。須念閑防几不仁。
撻固醒蚕蛛脂呬。堀空蜜腸蜆尾身。
肆慣凫割时劢肆。真踏（洳）帝女感真。
庄可得信时免忌。庄親时本姜鄉鄰。

𡨹呬朱咍丙吶能。辰恚歆斂矣康々。
掙坤乙固皮怗㦎。𥗾曳𡮈吶説升。
啳𦗏𢀭饍聰官𡋂。𠐞咥欣舌楅平庄。
寃軒午刹坐秥冉。自坴𣈜文料和。几平。

71.- ~~Xxxx~~ HUỌNG-LÂN L.26

Nhiều phen thốt luống vân-vân,
Tua niệm quan-phòng kẻ bất-nhân.
Thớt có tanh-tao, ruồi dồm miệng,
Gang không mật mỡ, kiến đam thân.
Ruột hòn nếu cắt thì đau ruột,
Chân đạp nhơ nào nỡ cầm chân.
~~Cha~~ Chang khá người thì tin miễn cậy,
Chẳng thân thì vốn nghĩa hương-lân.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

72.- KẺ BẰNG

Giữ miệng cho hay biếng nói-nang,
Thìn lòng hôm sớm hãy khang-khang.
Tranh khôn át có bề lo-lắng,
Chịu dại làm chi nói thốt-thang.
Mảng lắng dữ lành tai quản đấp,
Thấy lời hơn thiệt mặt bằng chang.
Song hiên ngỏ cửa ngồi xem sách,
Tự-tại ngày qua họa kẻ bằng.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

㗂自然幾巧蔡。戈昇腨路罢𧺃。
邊捲傔台常橛。䏁棋闌蟜烟撩。
餅咹極嘗姜共悔。條嚚些唉幾條嚚。

錢財羅數賭流通。扱納幺之朱勤悪。
賭石嘗咈賭意。名巢父跒名空。
義消可渚悪揚氏。湼泊恒辰腌沛公。
呬底名傳羅事益。羣时詞事意如空。

73.- ĐÌU-HIU (1)

Chòm tự-nhiên, một cái lều.
Qua ngày tháng, lọ là nhiều.
Gió cuốn rèm, thay trửu quạt,
Trang kề cửa kẻo đèn ~~khêu~~ treo.
Cơm ăn chẳng quản ~~rau cùng~~ dưa muối,
Đìu-hiu ta hãy một đìu-hiu.
....Áo mặc nài chi gấm thêu
....Tựa gốc cây ngồi hóng mát

茶 b
(câu cuối)
秩默奈之錦銚
摴檜樸罪空沬

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

74.- NHƯ KHÔNG

Tiền tài là số, của lưu-thông,
Cóp-nóp làm chi cho nhọc lòng.
Của Thạch-sùng nào của ấy,
Danh Sào-phủ há danh không.
Nghĩa quên khá ~~chớ~~ chửa lòng Dương-thị,
Nết bạc hằng thìn dạ Bái-công.
Miệng để danh truyền là sự ích,
Còn thì muôn sự ấy như không. b

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(1) Có ở Việt-tài đi tập số 67

七五
貼終本貼𥪝丕坦。機年買別浪實。
泊鑛羅貼渚消用。城市本印停伶達。
𠄼帝賢讓績美高。巴王昆海謀樣曰。
停台伺事貼調終。強典𢭂埃埃買拂。
七六
益功名舍扱𢭂數畨包塊嗜突飛。
弋梅泊為𦛚嫰𦝄絳𨀈遶抹。
憂愛極消念䋎是非晒吶事斤。
包曾硤山河歇塘世數尼險旭咍。

75.- MỚI PHẤT

Của chung vốn của trong trời đất,
Cơ mầu mới biết rằng thật.
Bạc vàng là của chó ~~quen~~ tiếu dùng,
Thành-thị vốn in rành-rạnh đạt.
Nam đế hiền nhương tích tất cao,
Ba vương con mối mưu dường nhạt.
Đành hay muôn sự của đều chung,
Cờ đến tay ai, ai mới phất.

悉
綏
於

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

76.- HÓC THAY

Áng công-danh ~~xá~~ gặp tay,
Nhiều phen đã khỏi tiếng tai bay.
Hoa mai bạc, vì trăng tỏ,
Bóng trúc thưa bởi gió lay.
Ưu-ái chẳng quên niềm trước,
Thị-phi biếng nói sự nay.
Đã từng trải sơn-hà hết,
Đường thế nhiều nơi hiểm-hóc thay.

披

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(1) bài này cũng vần với bài 26 trong Vô-loại di tập

世间变改溱𨍦涞。漫涑涞羡輦吼裳。
羣泊羣錢羣弟子。歇餅歇𨡓歇翁碎。
初阾調重影真實。埃乃節於几待盃。
於世買台影泊惡。霸时尋旦𨯘尋𩄲。
於世停争等丈夫。𠃣之朱固事堆孤。
低㥸低坤低極忍。帝浪帝帝帝空輸。
鵄怒罵羣都旦蚌。蝩冥侯易鵼之鴟。
𡨸浪人以和為貴。無事时欣嬌沛怙。

77.- TÌM LUI

Thế-gian biến cải vũng nên doi,
Mặn lạt chua cay lẫn ngọt bùi.
Còn bạc, còn tiền, còn đệ-tử,
Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi.
Xưa nay đều trọng người chân-thật,
AI nấy nào ưa kẻ đại-buôi.
Ở thế mới hay người bạc-ác,
Giàu thì tìm đến, khó tìm lui.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

78.- Phải LO

Ở thế đừng tranh đứng trượng-phu,
Làm chi cho có sự đôi-co.
Đây cậy đây khôn, đây chẳng nhịn,
Đấy rằng đấy phải, đấy không thua.
Ác nọ mã còn đua-đán bạng,
Lươn kia hầu dễ kém chi cò.
Chữ rằng nhân dĩ hòa vi quí,
Vô-sự thì hơn, kẻo phải lo.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

幾埋幾幾鐊幾荓拘。鍊𫔸油埃礫趣芾。

些曳些尋尼求尾。𣎏坤𣎏典准嗙啐。

秋咹芭咛冬咹穆。志沁湖蓬夏沁泑。

醽旦檜梗些仕吐。捛掂富貴似占邑。

𦬑尼仁羨似鐄進。固貼时欣歇每唪。

轄典𢬦空芾説嗨。轉飠㨂礦史礫嗔。

英〻注〻𢠩虛海。醽〻𦬒〻設左哉。

𣎏貼衲斤些兆弋。買台浪貼礦欣𣎏。

[stamp]

79.- CHIÊM-BAO

Một mai, một cuốc, một cần câu,
Thơ-thẩn dầu ai vui thú nào.
Ta dại, ta tìm nơi vắng-vẻ,
Người khôn, người đến chốn lao-xao.
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.
Rượu đến gốc cây, ta sẽ uống,
Nhìn xem phú quí tựa chiêm-bao.

冷 扨
苐

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

80.- HƠN NGƯỜI L 7

Đời nầy nhân nghĩa tựa vàng mười,
Có của thì hơn hết mọi lời.
Trước đến tay không nào thốt hỏi,[1]
Sau vào gánh nặng lại vui cười.[2]
Anh anh, chú chú, mừng hơ-hải,
Rượu rượu, chè chè, thiết tả-tơi.
Người, của, lấy thăng ta thử nhắc,[3]
Mới hay rằng của nặng hơn người.[4]

几
礒 梗
A: 姜姜
3. L: hay
4 L: trong

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(1) L: Điều trước đến tay không nào thốt
(2) L: Hỏi sau vào gánh nặng lại cười.) [chắc rằng A đúng, đây kẻ sao thêm chữ, và chép lầm]

係几撩貝几沛怛。極朋無事嘅哺く。
㹵箕窖捻羣坤䳚。噁怒咍諆固六呼。
固𫜵特時猫樹術。無欺失𡫡蜆他補。
特輸𨋤買咹雖夫。無事庄欣固事𠳐。
渚每羕咍渚每羕。以貝矣守道常又。
㮏箕珠過𨋤𨧟攤蘭。怒蒼佳買固香。
咹𨒺倚欣慣倚音。坤時貝悒曳時傷。
𠲖保色鐃貝於世。極坤停𣋽渚央之。

81.- SỰ RU

Hễ kẻ trêu người, kẻ phải lo,
Chẳng bằng vô-sự ngáy pho-pho.
Tay kia khéo nắm còn khôn mở,
Miệng nọ hay cười có lúc ho.
Có thủa được thời, mèo đuổi chuột,
Đến khi thất-thế, kiến tha bò.
Được thua sau mới ăn-năn lại,
Vô-sự chẳng hơn có sự ru !

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

82.- ƯƠNG-ƯƠNG

Chớ mọi đường hay, chớ mọi đường,
Làm người hãy giữ đạo thường-thường.
Khế kia chua quá sau nên úng,
Lan nọ thơm giai mới có hương.
Ăn ít ý hơn, hòn ý thiệt,
Khôn thì người ráin, dại người thương.
Nhắn bảo bao nhiêu người ở thế,
Chẳng khôn, đừng dữ, chớ ương-ương.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

𦖑合时𠳨典拱揚。腰麝爲固味香。
於吼时欣饒𠳨重。過珠點𢹣固埃悋。
於固德善欣於典。腰饒極色幾道常。
羣幾舭惫付准腠。和青㗂迻芾庄。
𤈜燶渚尨味金石。𠯇吸芾幅刻滕。衝上
極別固梅盈㥝嶺。咍𠬠幾竹浽江陵。
渚之易改金易。女底朱埃事不平。

83.- ĐẠO THƯỜNG

Chợ họp thì người đến dở-dang,
Yêu xạ vì có mùi hương.
Ở ngọt thì hơn, nhiều người trọng,
Quá chua ra úng, có ai màng.
~~Người~~ Ở có đức lành hơn ở dữ,
Yêu nhau chưng đã một đạo thường.

....

....

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

84.- BẤT BÌNH

Còn một tấm lòng phó chốn trang,
Họa là thanh tỏ ít nào chăng.
Nấu-nung chưa chín mùi kim-thạch,
Gưởi-gấp nào xong bức ~~tháp~~ diễm-đằng.(1)
Chẳng biết có mai ~~đình~~ duềnh Sấu-lĩnh,
Hay là một trúc bãi giang-lăng.
Chó chi dễ cải xuyên kim thạch (dịch), 石
Nỡ để cho ai sự bất bằng.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(1) Diễm đằng: tờ giấy, vì đời xưa ở xứ Diễm (chuết giấy) có cây đằng dùng làm giấy tốt.

𨉓𠀧蹎𧵑𠀧數頁。坤別朝花滛潘衹。
帝王羣除貴價𨉓上。鏤𦍛奚待客高才。
兼勒丕女底插凡捽。鍊月之朱後毒鉡。
𢚸嚴烈燃㷔潘之。錯近蹎價路撩埃。
丕生丕迷色停分。須奚朱賢脆固仁
𨋣渚怨身之買𨂔。𪖫麻腰衆之强貽。
暴虎兮色兼砰矼。插德停哈韓淡悽。
渚固害人麻益巳。醜𨉓坤醜特灵神。

[stamp]

85.- CHÀO AI

Người ba đứng, của ba loài,
Khôn biết chiều hoa nỗi thắm phai.
Tiệc ngọc còn chờ người quí-giá,
Mâm son hãy đợi khách cao-tài.
Gươm trời nỡ để tay phàm tuốt,
Búa nguyệt chi cho đứa độc mài. (1)
Ơn nghiêm liệt soi tham-thẳm,
Vàng mười đứng giá lọ chào ai.

盘

石排

嘲 A: thâu?

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

86.- THẦN-LINH L.29

Trời sinh, trời ắt đã dành phần,
Tua hãy[2] cho thìn[3] dạ có nhân.
Khó chớ oán thân, thân[4] mới nhẹ,
Giàu mà yêu chúng, chúng càng gần.[5]
Bão-hung chỉn đã gươm mài đá,
Phúc-đức dành hay cỏ được xuân.
Chớ có hại nhân mà ích kỉ,
Dấu[6] người, khôn dấu được thần linh.[7]

賢 → 辰 2. L 舍 3. L 眞

4. L 吾 渚 悋 命, 命

5. L 親

6. L 酉 7. L 鬼

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(1) Chữ mài ở bài dưới (86) viết A: 石里, B: 石埋. Vậy ở đây có lẽ đọc phay

害𨧟双離吏架俏。朱鋮貼𠓨美时嬈。
美嬈爲黜咍容待。貼𠓨因之內攢指。
本性極消曾冉日。抪命色䀲事嗔趨。
罙務𦀚享天然祿。從且坐制𡎥𩈘克。
吻鋮羕吏吻浪时。巨郎重巨朝腰𦟐座爲。
蘖結花蒼貿蝓典杜。𦛿𡨸蜜吭蜆𢂞嬈。
青蛋貼固青蛋閉。到𡂒𡨸空到𡂒之。
𪿒㩫𪿒埋欺及葉。𣈜之吱丙𡃹麻之。

87.- THUẤN NGHIÊU

Khéo kiếm, song-le lại cả tiêu,
Cho nên của ít, nghĩa thì nhiều.
Nghĩa nhiều vì bởi hay dung-đãi,
Của ít nhân chi biếng chắt-chiu.
Vốn tính chẳng quen tình nhiệm-nhặt,
Nghĩ mình đã trải sự sân-siu.
Bốn mùa đều hưởng thiên-nhiên lộc,
Thong-thả ngồi chơi cõi Thuấn Nghiêu.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

88.- MÀ CHI

Nói nên dường lại nói rằng thì,
Sang trọng, giàu, yêu, khó chẳng vì.
Nhị kết hoa thơm, ong đến đỗ,
Mỡ bùi mật ngọt, kiến nào đi.
Thanh-tao của có thanh-tao bấy,
Náo-nức tay không náo-nức gì.
Mặc rủi, mặc may, khi gặp dịp,
Khen chi khen, biếng ghét mà chi.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

纳命過戲准噋嗃。尒事边聰遶退嚎。

闈竹撫𢫡唭曲潦。軒梅吻躊喝嘵嗷。

忭離色丕时油丕物詠悋色託嘗色。

極歇忠勤紅𡨸意。𢖵恩垣𦗏悒丕高。

𣋽默分𨍦塊皮。度清閒哿一二。

𠲖嘏句詩𩠝婁所。唏呵𡐙𨢟與嗟。

𦝄清邊淶羅相識。渃碧𡽫青意故知。

事世堆孤油事世。揠宰汰汰極兮之。

89.- TRỜI CAO

Nấp mình quá hỏ chốn xôn-xao,
Mấy sự bên tai, gió thổi khào.
Cửa trúc vỗ tay, cười khúc-khích,
Hiên mai vất đứng hát nghêu-ngao.
Sò-le đã vậy thì dầu vậy,
Vất-vểnh màng bao, sá quản bao.
Chẳng hết trung-cần hai chữ ấy,
Nhờ ơn đất thẳm, cậy trời cao.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

90.- HỀ CHI

Giàu mặc phận, khó đâu bì,
Độ thanh-nhàn cả nhất nhì.
Vếu-váo câu thơ cũ rích,
Hê-ha chén rượu hũng sì.
Trăng thanh gió mát là tương-thức,
Nước biếc non xanh ấy cố-tri.
Sự-thế đôi-co, dầu sự-thế,
Rủ không thầy thầy, chẳng hề chi.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

蕭洒自然逃頸命。奈色摧駕盖功名。

無心約固鬭爐泊。得趣庫音遍浗清。

秒油別機造化。耗路服藥長生。

覇韃停台兮兮命。余塘莫容丙都爭。

餅咹極嘗味奢泊。襖默泥之餘征饍。

蹈穭蒙鬖影隱逸。絆恚夬想盖功名。

未𨈬報那工撩賊。因浗墊秥課太平。

91.- TRUÒNG-SINH (1)

九十二

Tiêu-sái từ-nhiên ắt nhẹ mình, 乙
Nài bao quyền cả áng công-danh.
Vô-tâm ước có gương soi bạc,
Được thú kho đầy gió mát thanh.
 Trẻ dù biết cơ tạo-hóa,
 Già lọ phục thuốc trường-sinh.
Thanh nhàn miễn được no ngày tháng,
[Trong nước ghê chốn hữu-tình

清閑勉特飯 晹腊
黿中湼沯唯有情

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

92.- ~~BÌXÌXXXXÂX~~ THÁI-BÌNH

Giàu khó đành hay chỉn phận mình, 事
Mấy đường gai-gốc, biếng đua-tranh.
Cơm ăn chẳng quản mùi xa, bạc, 芾
Áo mặc nề chi tấm ~~sạch~~ rách, lành. 淀→袪
Đạp gối mong ~~nhiều~~ theo người ẩn-dật, 蹺 乞→㝵人
Bận lòng lại tưởng áng công-danh.
Cho nên nấn-ná cong lều tiện,
NNhân mát ngồi xem thủa thái-bình.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(1) Có ở Lê-triều di tập số 78

買富貴罷時運。須念昂藏趣養身。
興意吧吟句國语。解煩酾税戲瓊妻。
哂固埃嘆时仕亂。太平天子太平民
塘弋嘲客栖嗯栖。午杏逡影真碍真
道労質台免庫巾。權门佳意丙村真。
醅風月菜咟戲。趣清洞簾兔垠。
扶衛儒除客典。種檳労抵昆唼。
特輸富貴油亏命。瓊抹幺之朱勵因。

[seal stamp]

93.- BÌNH DÂN

Mới hay phú-quí bởi thời-vận,
Tua niệm ngang-tàng thú dưỡng thân.
Hứng ấy, miệng ngâm câu quốc-ngữ,
Giải phiền tay chuốc chén quỳnh-xuân.
Đường hoa chào khách, mạt nhìn mặt,
Ngõ hạnh đưa người, chân ngại chân.
Dầu có ai han thì sẽ nhủ;
Thái-bình thiên-tử, thái-bình dân.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

94.- NHỌC NHẰN [1]

Đạo-đức giữ hiền thay miễn[2] khó-khăn,
Quyền-môn chốn ấy[3] biếng chon-chằn.[4]
Rượu phong-nguyệt, trà ba chén,
Thú thanh-nhàn, lều một ngăn.[5]
Quét cửa nho[6] chờ khách đến,[7]
Giồng cây đức[8] để con ăn.
Được thua phú-quí dầu thiên-mệnh,
Chen-chụt làm chi cho nhọc-nhằn.[9]

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(1) có ở Vũ... thi tập 27

T.台
咄
(1) 𡀮 (1) L. 咍盃 2 兑
3. L. 隊准 4. L. 珍
余 5. L. 根
6. L. 仁 7. L. 细
掩 8. L. 浩
9. L.: 道彷咍盃 兑庫中

強與悶𢢯幾槅空。𢢯时庄固迻庄通。

𫨩狔矣、待蓮棱扎。𩛂𩛷羣除𦗚波東。

南策、醖濃羣漫胥。西莫檑吭買撓䓃。

拯蒙立待双羣悶。丕與悶饒幾槅空。

𡨸為罢為呐呐能。𡵒浪拯別事絨庄。

啫姜吏惜味羡吭。唸蠱羣㖡固種芒。

撑槅群除、戈𪘵奴。捽練吏吵、動棱庄。

油埃渼論調饍與。𡨸為罢為呐呐能。

95.- MẶT KHÔNG

Càng đến mừng nhiều, một mặt không,
Nhiều thì chẳng có, ít thì thông.
Hươu nai hãy đợi trên rừng Bắc,
Thu vược còn chờ dưới bể Đông.
Nam-sách rượu nồng, còn mượn cốt,
Tây-chân quít ngọt mới đơm bông.
Chẳng mong lập đại, song còn muốn,
Vậy đến mừng nhau một mặt không.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

96.- NÓI-NĂNG L.8

Chữ vị là vì, biếng nói năng,
Há rằng chẳng biết sự nên chăng.
Giã rau lại tiếc mùi canh ngọt,
Nêm ếch còn thăm có giống măng.
Vuốt mặt còn chờ qua mũi nọ,
Rút dây lại nhẽ động rừng chăng.
Dừa ai nghĩ-luận điều lành dữ,
Chữ vị là vì biếng nói-năng.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

默咹礼默腰、無事时欣女玉鑛。
秋月糊糯通些府。专之都姜絽風光。
曲文辣讀花竞舜。福太平如主禹湯。
些特清詞影富貴。易盤埃特哥台塘。
𦟐朝𠃣姊𧀒𠃣婈。𦟐朝諸驕矜𧀒諸嫌。
𣈜別敬達又爫𡗶𣈜。意如君羣盛福羣添。

97.- HAI ĐƯỜNG

Mạc chế-rẻ, mạc yêu-đương.
Vô-sự thì hơn, nhỡ ngọc vàng.
Thu-nguyệt rạng soi thông tử-phủ,
Xuân-hoa đua nở rỡ phong-quang.
Khúc văn-thơ đọc đời Nghiêu Thuấn,
Phúc thái-bình nhờ chúa Vũ Thang.
Ta đã thanh-nhàn, người phú-quí,
Dễ bàn ai được hai đường.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

98.- CÒN THÊM

Giàu làm chị, khó làm em.
Giàu chớ kiêu-căng, khó chớ hiềm.
Dưới biết kính trên, trên dấu dưới,
Ấy nhà còn thịnh, phúc còn thêm.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

默、埃浪智默、浪才。宜正緬包咍凍、糾𦬑。

猎隊威𠲖麻湟衆。蛛、狼雖驥淹誇影。

人情朱別蔡罷芸。巴三鉢菩尼拱款偽。

極坤極賤淹央々。別𢧚篆之守道常。

鐄泊餒影、鍼豪易。鏌餌劍伴固埃惜。

倩渹些免安隊分。默几坤頑几担當。

99.- SÁU VỜI

Mặc ai rằng trí, mặc rằng tài,
Ngay mặt đà hay đống củ khoai,
Cáo đội oai hùm mà nhát chúng,
Ruồi nương đuôi ký luống khoe người.
Nhân-tình cho biết chó là bởi nghệ,
Ba bát đầy nơi, cũng sáu vời.
....
....

sáu cũng vời?

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

100.- Đảm-đương L.14

Chẳng khôn, chẳng dại, luống[1] ương-ương.
Biết một[2] ~~khăng~~-~~khăng~~ giữ đạo thường.
Vàng[3] bạc thua nó[4] người, nên chúng dể,
Áo cơm kém bạn, có ai màng.[5]
Thanh-nhàn ta miễn yên đời phận[6];
Mặc kẻ khôn-ngoan kẻ đảm-đang.[6]
.... Hổ chẳng được tày loài cỏ đất.
.... Thái bình ai chẳng đội ơn Vương[7]

1. L: chớ
(7) theo L

o-o-o-o HẾT o-o-o-o

MỤC-LỤC
(Theo vần ở chữ cuối)

A	1, 16, 19, 34, 60.
A I	2, 14, 20, 21, 42, 43, 65, 85~~6~~.
A Y	10, 35, 62, 76.
A N	26, 49, 50, 69
ANH	15, 17.
AO	47, 68, 79, 89.
ĂM	45
ĂN	23, 61, 94
ĂNG	18, 72, 96.
ÂN	71, 93. 86 55
ÂU	4, 9, 31, 59, 64
ẤT	75
EN	8, 12, 13, 25, 39, 44.
EO	38, 54
Ê	66 (-i)
ÊM	98
ÊN	7
ÊU	28
I	58, 88, 90 66
IÊN	5, 22, 48, 53, ~~54~~, ~~69~~, 70.
IÊU	3, 40, 51, 63, 87
INH	29, 84, ~~86~~, 91, 92.
IU	73
O	30, 78
OAN	67
ON	32

Ô	46
ONG	33, 37, 57
ÔNG	74, 95
Ơ	27
ƠI	24, 52, 99
U	46, 8I
UÂN	55
UI	II, 77
UYÊN	56
UÔNG	4I
UNG	6
ƯƠI	80
ƯƠNG	82, 83, 97, I00

BẢNG CHỈ THEO LOẠI

Cảnh nhàn và ẩn-dật: 1, 3, 7, 12, 14, 15,
18, 22, 25, 34, 40, 41, 45, 50, 54
55, 90, 92, 94.

Cảnh nhàn riêng: 8, 13, 16, 21, 27, 32, 38, 59
73, 79, 93.

Yên-phận và vô-sự: 3, 4, 11, 15, 36, 51, 53,
56, 72, 89, 97, 99, 100.

Mặc chê khen: 6, 39, 44, 48, 49.

Biết xuất-xử: 10, 37.

Chớ đua-tranh: 64, 78, 81, 98. Không gây oán 96

Cảnh thanh-bạch: 57, 74, 95.

Khinh tiền-tài: 61.

Không tham lợi: 29, 62, 67.

Tránh công-danh: 76, 91.

Giữ mực trung: 82.

Ở lành: 17, 30, 33, 60, 70, 83, 86, 71.

Hiếu-trung: 69.

Đừng biển-lẫn: 87

Đợi thời: 66, 85

Gặp thời: 66

Của thời: 22, 31, 75.

Xu viêm phụ nhiệt: 5, 43, 46, 58, 63, 80.

Tránh tham: 77, 88.

DÉ DOANH-MẨN: 9, 11, 15, 19, 35.
Vận tuần-hoàn: 2, 20, 28, 47, 52.

Đường luật

Bốn câu

Sáu câu

Không đối

Trung vận. 74, 10

Thất niêm

Trắc bằng 2, 26, 63, 93

Chữ cổ

Âu : lo 6, 26, 31
Âu là : không 56
Bà men : đinh bấm 5
Bác : mác 66
Bao nả : bao nhiêu 8, 17, 32
Bạo bược : hiếp 31
Biếng : ít 70, 72, 88, 96
Bối : phai 52
Cả : lớn 62
Cắp tay : khoanh tay ở lưng 35
Kẻo : khó 22, 38
Cóp nóp : góp dần 74
Cong : trong 92
Cốt : cái rượu 95
Cơn nước : lụt? 49
Cũ rích : cũ lắm 90
Chả lửa : nhóm lửa 4
Chác : mua 38, 67
Chắt chịu : tiêu hà tiện 87
Châm : rót 36
Chen xúc, chen chút : chen chúc. 94
Chỉn : rất 86, 92
Chon chân : chen 46, 69, 94
Chốc mòng 33
Chửa : nhiều 32, 33
Dấy : hứng 27
Dẫy : đầy 40
Dàu : mặt 14, 16, 26, 42, 43, 70
Diễn : xa 7
Dơi : bãi 2, 77
Dần hàn : nếu 48
Dui thẳng : 64
Dùng : lắm 21
Đai : đất 2
Đài : đại 2
Đại buổi : cho có lễ 77
Đam chiều : nam bắc 63
Đàn : ghét 49
Đắm - hằm 36
Đẻ : bỏ 13, 60, 65 đảo câu ...

Chữ cổ (2)

[seal]

Đọ: so 90
Đơi: theo 100
Đôi: nhiều 7, 14, 25, 42
Đời.co: Khổ chịu nhau 65, 78, 90.
Đua hơi: gánh sức 52
Ghê: nhiều 2, 91
Han: hỏi 26, 50, 64, 93, 53
Hăng sỉ: hay lắm 90
Hằng: luôn luôn 8, 44, 61, 62
Hê-ha: uống rượu thích chí 90.
Hoạ: cả 42
Ỷ: ấy là 69, 82
Khoẻ: chắc, vững 47
Lạ đã: 7
Lắng: có ý nghe 72
Lấp đời: đắp đời 39, 44, 62
Lệ: sợ 11, 35, 39
Lùn?. 45
Liều: liệu 63
Lon: tròn 15
Lỡ dởi: không chơi 24
Lời thời: không gọn 2
Mã: chó 19, 42, 78 Múa
Mấc mười: mắc mùi 30
Mảng: nghe 53
Mường mong: muốn 57
Nề: sợ 96
Nên chuông: khá 88
Nỡ chén: rót rượu 26
Nổi thuyền: thả thuyền 17, 48
Nhắn 15
Nhền: nhỏ, hèn. 5, 25, 69
Nhền: nhắn
Nhiệm-nhặt: thu gọp 87
Nhỡ: nhít 7
Nghèo hiền: hiếm 23, 24, 30
Ngỏ: tốt 6, 53
Ngồi: khe 9
Phay: chặt 85

Máy-mọc 94
Mỗ phần: với phải 61
Ngột 33, 40 nói vậy ý nhiều lắm cho người ta sợ.

Phao tuồng 41
Phen: so bì 68
Phiếu: xiêu 54, 63
Phopho: ngáy phát điếc 81
Phu phu 57
Qua: vượt khỏi 19, 62
Quê phục: 63
Quít rúu: rối rít 41
Rai: sợ 82
Rối: rối 13
Sàn sùn: chặt chứa 87
So le: không đều 89
Song viết: cũng gọi là 33, 38, 3[illegible]
Tác: bạn 39
Tày: riêng 10, 59
Trện: hèn, tầm thường 92
Toan: tính 67
Tùi: không nhọn 11, 20
Tư: bốn 3
Thác: hé 54
Thênh thuyền: đóng thuyền 20
Then: khoảng thuyền 12
Thiên văn 49
Thìn: giữ 53, 72, 74
Thảnh: linh 58
Thình thình: im không nói 5
Thôi: xong 41
Thốt: nói 24, 71, 80
Thờ lờ 27
Thừa: khi, nói 9. 45
Thuở: sở, kỳ 7, 9, 10, 11, 19..
Thốt thẳng: nói ngay 72
Trần trần: trơ trơ 44
Tron 59
Ử: yêu 18, 25
Vấn: vấn 93
Vất vểnh 89
Vẩu vảo 90
Xá: hay 8, 51, 60, 76
Xoan: trẻ 47
Xoang: khúc đàn 17

Lại có bản chép mới, do Landes () sai chép và mang về để ở Thư-viện Société asiatique "Manuscrits B 16 Poèmes et Poésies annamites 3. (cuối tập ấy).

Nhan-đề 程狀元吟世情国音詩集

. Gồm 44 bài

một số bài thấy có trong 白雲拾遺国音詩集,

Bỉnh Khiêm 國音詩集	Bạch vân
161	6
66	47

白雲庵国語詩集

莫朝狀元程国公阮秉謙

黄春瀚

Lại có bản chép mới, do Landes () sao chép và mang về để ở Thư-viện Société asiatique "Manuscrits B 16 Poèmes et Poésies annamites 3. (cuối tập ấy).

Nhan-đề 程狀元吟世情国音詩集

. Gồm 44 bài



một số bài thấy có trong 白雲拾录国音诗集.

Vô Trần	Bạch Vân
161	6
66	47